

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

**BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH**

Học kỳ: 1 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Bóng đá – HP(23401806)  
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

| ST<br>T | Mã SV      | Họ và tên            |       | Ngày sinh  | Tên lớp                | BP.<br>1 | BP<br>. 2 | BP.<br>3 | Điểm<br>quá<br>trình | Ghi<br>chú |
|---------|------------|----------------------|-------|------------|------------------------|----------|-----------|----------|----------------------|------------|
| 1       | 2125330035 | Nguyễn Văn           | An    | 02/05/2007 | Điện công nghiệp A     | 0.0      | 0.0       | 0.0      | 0.0                  |            |
| 2       | 2125330001 | Nguyễn Gia           | Ân    | 25/01/2006 | Điện công nghiệp A     | 6.0      | 8.0       | 6.0      | 6.5                  |            |
| 3       | 2125330034 | Phan Lê Duy          | Bảo   | 18/06/2007 | Điện công nghiệp A     | 6.0      | 8.0       | 6.0      | 6.5                  |            |
| 4       | 2125330003 | Trần Võ Thái         | Bình  | 08/06/2007 | Điện công nghiệp A     | 6.0      | 8.0       | 6.0      | 6.5                  |            |
| 5       | 2125230063 | Nguyễn Quang         | Chiến | 06/01/2007 | Điện tử truyền thông A | 6.0      | 8.0       | 6.0      | 6.5                  |            |
| 6       | 2125330047 | Trần Mạnh            | Cường | 08/03/2007 | Điện công nghiệp B     | 6.0      | 8.0       | 6.0      | 6.5                  |            |
| 7       | 2125330051 | Nguyễn Hải           | Đăng  | 30/12/2007 | Điện công nghiệp B     | 6.0      | 8.0       | 6.0      | 6.5                  |            |
| 8       | 2125330057 | Đặng Kiều Thái       | Đạt   | 01/07/2007 | Điện công nghiệp B     | 6.0      | 8.0       | 6.0      | 6.5                  |            |
| 9       | 2125230059 | Đỗ Tấn               | Đạt   | 20/11/2007 | Điện tử truyền thông A | 9.0      | 8.0       | 9.0      | 8.8                  |            |
| 10      | 2125330023 | Nguyễn Thanh         | Đạt   | 11/09/2007 | Điện công nghiệp A     | 6.0      | 8.0       | 6.0      | 6.5                  |            |
| 11      | 2125330026 | Phan Thành           | Đạt   | 15/05/2006 | Điện công nghiệp A     | 6.0      | 8.0       | 6.0      | 6.5                  |            |
| 12      | 2125330043 | Nguyễn Văn           | Điệp  | 27/08/2007 | Điện công nghiệp B     | 6.0      | 8.0       | 6.0      | 6.5                  |            |
| 13      | 2125330068 | Phan Văn             | Đức   | 28/06/2007 | Điện công nghiệp B     | 9.0      | 6.0       | 7.0      | 7.3                  |            |
| 14      | 2125330062 | Phạm Tuấn            | Dũng  | 18/12/2007 | Điện công nghiệp B     | 5.0      | 6.0       | 7.0      | 6.3                  |            |
| 15      | 2125330038 | Bùi Nguyễn Hoàng     | Duy   | 07/06/2007 | Điện công nghiệp B     | 9.0      | 5.0       | 7.0      | 7.0                  |            |
| 16      | 2125330014 | Nguyễn Hoàng<br>Ngọc | Duy   | 27/04/2007 | Điện công nghiệp A     | 9.0      | 6.0       | 7.0      | 7.3                  |            |

| ST<br>T | Mã SV      | Họ và tên         |       | Ngày sinh  | Tên lớp                   | BP.<br>1 | BP<br>. 2 | BP.<br>3 | Điểm<br>quá<br>trình | Ghi<br>chú |
|---------|------------|-------------------|-------|------------|---------------------------|----------|-----------|----------|----------------------|------------|
| 17      | 2125330063 | Phan Tiến         | Duy   | 15/08/2007 | Điện công nghiệp B        | 9.0      | 6.0       | 7.0      | 7.3                  |            |
| 18      | 2125330037 | Lê Ngọc           | Hải   | 12/12/2007 | Điện công nghiệp B        | 9.0      | 6.0       | 7.0      | 7.3                  |            |
| 19      | 2125150168 | Trang Thanh       | Hải   | 09/12/2007 | CNKT ĐK và tự động hóa E  | 0.0      | 0.0       | 0.0      | 0.0                  |            |
| 20      | 2125330054 | Đào Lưu Công      | Hậu   | 26/12/2007 | Điện công nghiệp B        | 9.0      | 6.0       | 7.0      | 7.3                  |            |
| 21      | 2125330010 | Đoàn Minh         | Hậu   | 21/05/2007 | Điện công nghiệp A        | 9.0      | 6.0       | 7.0      | 7.3                  |            |
| 22      | 2125330055 | Đình Xuân         | Hoàng | 20/09/2007 | Điện công nghiệp B        | 9.0      | 6.0       | 5.0      | 6.3                  |            |
| 23      | 2125330005 | Lưu Duy           | Hưng  | 14/01/2007 | Điện công nghiệp A        | 8.0      | 7.0       | 9.0      | 8.3                  |            |
| 24      | 2125330059 | Sơn Minh          | Hưng  | 14/06/2002 | Điện công nghiệp B        | 8.0      | 7.0       | 9.0      | 8.3                  |            |
| 25      | 2125330053 | Trần Hồ Viết Quốc | Hưng  | 24/07/2007 | Điện công nghiệp B        | 8.0      | 7.0       | 9.0      | 8.3                  |            |
| 26      | 2125330041 | Nguyễn Quang      | Huy   | 06/04/2007 | Điện công nghiệp B        | 8.0      | 7.0       | 9.0      | 8.3                  |            |
| 27      | 2125330019 | Võ Bùi Văn        | Huy   | 13/11/2007 | Điện công nghiệp A        | 0.0      | 0.0       | 0.0      | 0.0                  |            |
| 28      | 2125330008 | Lê Hoàng          | Kha   | 19/04/2007 | Điện công nghiệp A        | 8.0      | 7.0       | 9.0      | 8.3                  |            |
| 29      | 2125330033 | Nguyễn Dương Quốc | Khang | 12/11/2007 | Điện công nghiệp A        | 8.0      | 7.0       | 9.0      | 8.3                  |            |
| 30      | 2125330049 | Phạm Mạnh         | Khang | 15/10/2007 | Điện công nghiệp B        | 8.0      | 7.0       | 9.0      | 8.3                  |            |
| 31      | 2125330020 | Nguyễn Tuấn       | Khanh | 12/04/2007 | Điện công nghiệp A        | 8.0      | 7.0       | 9.0      | 8.3                  |            |
| 32      | 2125330032 | Nguyễn            | Khánh | 21/12/2007 | Điện công nghiệp A        | 8.0      | 9.0       | 7.0      | 7.8                  |            |
| 33      | 2125330013 | Trần Minh         | Khoa  | 21/08/2007 | Điện công nghiệp A        | 8.0      | 9.0       | 7.0      | 7.8                  |            |
| 34      | 2124170192 | Lương Gia         | Kiệt  | 03/06/2006 | Công nghệ kỹ thuật ô tô F | 7.0      | 5.0       | 8.0      | 7.0                  |            |
| 35      | 2125330006 | Nguyễn Anh        | Kiệt  | 26/03/2007 | Điện công nghiệp A        | 8.0      | 9.0       | 7.0      | 7.8                  |            |
| 36      | 2125330027 | Trần Vĩnh         | Kỳ    | 06/11/2007 | Điện công nghiệp A        | 8.0      | 9.0       | 7.0      | 7.8                  |            |
| 37      | 2125330017 | Đặng Xuân         | Lộc   | 23/03/2007 | Điện công nghiệp A        | 8.0      | 9.0       | 7.0      | 7.8                  |            |
| 38      | 2125230062 | Nguyễn Thái Tấn   | Lộc   | 24/10/2007 | Điện tử truyền thông A    | 8.0      | 9.0       | 7.0      | 7.8                  |            |
| 39      | 2125330036 | Nguyễn Hữu        | Luân  | 20/09/2007 | Điện công nghiệp A        | 8.0      | 9.0       | 5.0      | 6.8                  |            |
| 40      | 2125330009 | Phạm Minh         | Luân  | 27/10/2007 | Điện công nghiệp A        | 8.0      | 9.0       | 7.0      | 7.8                  |            |
| 41      | 2125330022 | Võ Minh           | Mạnh  | 21/11/2007 | Điện công nghiệp A        | 8.0      | 9.0       | 7.0      | 7.8                  |            |
| 42      | 2125330056 | Đào Hải           | Nam   | 08/02/2004 | Điện công nghiệp B        | 7.0      | 6.0       | 8.0      | 7.3                  |            |

| ST<br>T | Mã SV      | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Tên lớp                  | BP.<br>1 | BP<br>. 2 | BP.<br>3 | Điểm<br>quá<br>trình | Ghi<br>chú |
|---------|------------|-------------------|--------|------------|--------------------------|----------|-----------|----------|----------------------|------------|
| 43      | 2125330002 | Lâm Đại           | Nam    | 26/01/2006 | Điện công nghiệp A       | 7.0      | 6.0       | 8.0      | 7.3                  |            |
| 44      | 2125330050 | Trần Hoài         | Nam    | 09/01/2007 | Điện công nghiệp B       | 0.0      | 0.0       | 0.0      | 0.0                  |            |
| 45      | 2125330025 | Phan Tấn          | Nhật   | 02/05/2007 | Điện công nghiệp A       | 7.0      | 6.0       | 8.0      | 7.3                  |            |
| 46      | 2125330071 | Bá Văn Hoàng      | Phát   | 25/01/2007 | Điện công nghiệp B       | 7.0      | 5.0       | 6.0      | 6.0                  |            |
| 47      | 2125330015 | Huỳnh Nguyên      | Phát   | 17/07/2007 | Điện công nghiệp A       | 0.0      | 0.0       | 0.0      | 0.0                  |            |
| 48      | 2125330048 | Nguyễn Hoàng      | Phát   | 22/11/2007 | Điện công nghiệp B       | 7.0      | 6.0       | 8.0      | 7.3                  |            |
| 49      | 2125330065 | Đàm Hoàng         | Phi    | 13/02/2007 | Điện công nghiệp B       | 0.0      | 0.0       | 0.0      | 0.0                  |            |
| 50      | 2125330039 | Hoàng Quốc        | Phong  | 19/12/2007 | Điện công nghiệp B       | 7.0      | 9.0       | 8.0      | 8.0                  |            |
| 51      | 2125330030 | Nguyễn Quang Nhíp | Phong  | 29/07/2007 | Điện công nghiệp A       | 7.0      | 9.0       | 8.0      | 8.0                  |            |
| 52      | 2125330012 | Nguyễn Đăng       | Phú    | 06/11/2007 | Điện công nghiệp A       | 7.0      | 9.0       | 8.0      | 8.0                  |            |
| 53      | 2125330052 | Nguyễn Chí        | Quốc   | 24/04/2007 | Điện công nghiệp B       | 0.0      | 0.0       | 0.0      | 0.0                  |            |
| 54      | 2125330069 | Nguyễn Thanh      | Quyền  | 12/05/2007 | Điện công nghiệp B       | 0.0      | 0.0       | 0.0      | 0.0                  |            |
| 55      | 2125330064 | Trần Phúc         | Sang   | 19/10/2007 | Điện công nghiệp B       | 0.0      | 0.0       | 0.0      | 0.0                  |            |
| 56      | 2125330021 | Dương Thế         | Sơn    | 10/04/2007 | Điện công nghiệp A       | 7.0      | 9.0       | 8.0      | 8.0                  |            |
| 57      | 2125330040 | Trần Tiến         | Sỹ     | 25/10/2007 | Điện công nghiệp B       | 7.0      | 5.0       | 8.0      | 7.0                  |            |
| 58      | 2125230055 | Hồ Thanh Tú       | Tài    | 21/11/2007 | Điện tử truyền thông A   | 7.0      | 6.0       | 8.0      | 7.3                  |            |
| 59      | 2125330029 | Mai Anh           | Tài    | 16/06/2007 | Điện công nghiệp A       | 0.0      | 0.0       | 0.0      | 0.0                  |            |
| 60      | 2125330042 | Nguyễn Ngọc       | Thái   | 08/12/2007 | Điện công nghiệp B       | 0.0      | 0.0       | 0.0      | 0.0                  |            |
| 61      | 2125330058 | Ong Thế           | Thiện  | 03/04/2006 | Điện công nghiệp B       | 9.0      | 8.0       | 5.0      | 6.8                  |            |
| 62      | 2125330031 | Vũ Văn            | Thịnh  | 22/10/2007 | Điện công nghiệp A       | 9.0      | 8.0       | 9.0      | 8.8                  |            |
| 63      | 2125330007 | Võ Minh           | Thoại  | 24/04/2007 | Điện công nghiệp A       | 9.0      | 8.0       | 9.0      | 8.8                  |            |
| 64      | 2125330016 | Lưu Ngọc          | Toàn   | 23/06/2007 | Điện công nghiệp A       | 0.0      | 0.0       | 0.0      | 0.0                  |            |
| 65      | 2125330044 | Tạ Duy            | Toàn   | 02/05/2007 | Điện công nghiệp B       | 9.0      | 8.0       | 9.0      | 8.8                  |            |
| 66      | 2125330018 | Tăng Nhật         | Toàn   | 12/07/2006 | Điện công nghiệp A       | 0.0      | 0.0       | 0.0      | 0.0                  |            |
| 67      | 2125330070 | Bạch Thiên        | Trường | 26/02/2007 | Điện công nghiệp B       | 9.0      | 8.0       | 9.0      | 8.8                  |            |
| 68      | 2125150199 | Dương Hoàng       | Tuấn   | 15/08/2007 | CNKT ĐK và tự động hóa E | 7.0      | 5.0       | 8.0      | 7.0                  |            |

| ST<br>T | Mã SV      | Họ và tên    |      | Ngày sinh  | Tên lớp                | BP.<br>1 | BP<br>. 2 | BP.<br>3 | Điểm<br>quá<br>trình | Ghi<br>chú |
|---------|------------|--------------|------|------------|------------------------|----------|-----------|----------|----------------------|------------|
| 69      | 2125330061 | Nguyễn Anh   | Tuấn | 20/04/2007 | Điện công nghiệp B     | 9.0      | 8.0       | 9.0      | 8.8                  |            |
| 70      | 2125230060 | Nguyễn Thanh | Tuấn | 13/05/2007 | Điện tử truyền thông A | 0.0      | 0.0       | 0.0      | 0.0                  |            |
| 71      | 2125330060 | Vũ Văn       | Việt | 16/11/2007 | Điện công nghiệp B     | 9.0      | 8.0       | 9.0      | 8.8                  |            |
| 72      | 2125230056 | Lương Thế    | Vũ   | 21/05/2007 | Điện tử truyền thông A | 7.0      | 9.0       | 8.0      | 8.0                  |            |
| 73      | 2125330004 | Nguyễn Quang | Vũ   | 20/09/2007 | Điện công nghiệp A     | 9.0      | 8.0       | 9.0      | 8.8                  |            |
| 74      | 2125330046 | Võ Chí       | Vỹ   | 02/07/2007 | Điện công nghiệp B     | 0.0      | 0.0       | 0.0      | 0.0                  |            |

*TPHCM , ngày 21 tháng 01 năm 2026*

**Giảng viên**



***Nguyễn Thanh Bình***

**BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN**  
Học kỳ: 1 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Bóng đá – HP(23401806)      Số tín chỉ: 02  
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

| STT | Mã SV      | Họ và tên         |       | Ngày sinh  | Tên lớp  | Điểm quá trình | Điểm thi | Điểm học phần | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|-------|------------|----------|----------------|----------|---------------|---------|
| 1   | 2125330035 | Nguyễn Văn        | An    | 02/05/2007 | CCQ2533A | 0.0            | 0.0      | 0,00          | Nghĩ    |
| 2   | 2125330001 | Nguyễn Gia        | Ân    | 25/01/2006 | CCQ2533A | 6.5            | 8.0      | 7,40          |         |
| 3   | 2125330034 | Phan Lê Duy       | Bảo   | 18/06/2007 | CCQ2533A | 6.5            | 5.0      | 5,60          |         |
| 4   | 2125330003 | Trần Võ Thái      | Bình  | 08/06/2007 | CCQ2533A | 6.5            | 8.0      | 7,40          |         |
| 5   | 2125230063 | Nguyễn Quang      | Chiến | 06/01/2007 | CCQ2523A | 6.5            | 7.0      | 6,80          |         |
| 6   | 2125330047 | Trần Mạnh         | Cường | 08/03/2007 | CCQ2533B | 6.5            | 6.0      | 6,20          |         |
| 7   | 2125330051 | Nguyễn Hải        | Đăng  | 30/12/2007 | CCQ2533B | 6.5            | 5.0      | 5,60          |         |
| 8   | 2125330057 | Đặng Kiều Thái    | Đạt   | 01/07/2007 | CCQ2533B | 6.5            | 8.0      | 7,40          |         |
| 9   | 2125230059 | Đỗ Tấn            | Đạt   | 20/11/2007 | CCQ2523A | 8.8            | 7.0      | 7,70          |         |
| 10  | 2125330023 | Nguyễn Thanh      | Đạt   | 11/09/2007 | CCQ2533A | 6.5            | 5.0      | 5,60          |         |
| 11  | 2125330026 | Phan Thành        | Đạt   | 15/05/2006 | CCQ2533A | 6.5            | 6.0      | 6,20          |         |
| 12  | 2125330043 | Nguyễn Văn        | Điệp  | 27/08/2007 | CCQ2533B | 6.5            | 6.0      | 6,20          |         |
| 13  | 2125330068 | Phan Văn          | Đức   | 28/06/2007 | CCQ2533B | 7.3            | 5.0      | 5,90          |         |
| 14  | 2125330062 | Phạm Tuấn         | Dũng  | 18/12/2007 | CCQ2533B | 6.3            | 6.0      | 6,10          |         |
| 15  | 2125330038 | Bùi Nguyễn Hoàng  | Duy   | 07/06/2007 | CCQ2533B | 7.0            | 5.0      | 5,80          |         |
| 16  | 2125330014 | Nguyễn Hoàng Ngọc | Duy   | 27/04/2007 | CCQ2533A | 7.3            | 5.0      | 5,90          |         |
| 17  | 2125330063 | Phan Tiến         | Duy   | 15/08/2007 | CCQ2533B | 7.3            | 9.0      | 8,30          |         |
| 18  | 2125330037 | Lê Ngọc           | Hải   | 12/12/2007 | CCQ2533B | 7.3            | 3.0      | 4,70          |         |

| STT | Mã SV      | Họ và tên         |       | Ngày sinh  | Tên lớp  | Điểm quá trình | Điểm thi | Điểm học phần | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|-------|------------|----------|----------------|----------|---------------|---------|
| 19  | 2125150168 | Trang Thanh       | Hải   | 09/12/2007 | CCQ2515E | 0.0            | 0.0      | 0,00          | Nghĩ    |
| 20  | 2125330054 | Đào Lưu Công      | Hậu   | 26/12/2007 | CCQ2533B | 7.3            | 8.0      | 7,70          |         |
| 21  | 2125330010 | Đoàn Minh         | Hậu   | 21/05/2007 | CCQ2533A | 7.3            | 8.0      | 7,70          |         |
| 22  | 2125330055 | Đình Xuân         | Hoàng | 20/09/2007 | CCQ2533B | 6.3            | 5.0      | 5,50          |         |
| 23  | 2125330005 | Lưu Duy           | Hưng  | 14/01/2007 | CCQ2533A | 8.3            | 6.0      | 6,90          |         |
| 24  | 2125330059 | Sơn Minh          | Hưng  | 14/06/2002 | CCQ2533B | 8.3            | 5.0      | 6,30          |         |
| 25  | 2125330053 | Trần Hồ Việt Quốc | Hưng  | 24/07/2007 | CCQ2533B | 8.3            | 7.0      | 7,50          |         |
| 26  | 2125330041 | Nguyễn Quang      | Huy   | 06/04/2007 | CCQ2533B | 8.3            | 5.0      | 6,30          |         |
| 27  | 2125330019 | Võ Bùi Văn        | Huy   | 13/11/2007 | CCQ2533A | 0.0            | 7.0      | 4,20          |         |
| 28  | 2125330008 | Lê Hoàng          | Kha   | 19/04/2007 | CCQ2533A | 8.3            | 6.0      | 6,90          |         |
| 29  | 2125330033 | Nguyễn Dương Quốc | Khang | 12/11/2007 | CCQ2533A | 8.3            | 6.0      | 6,90          |         |
| 30  | 2125330049 | Phạm Mạnh         | Khang | 15/10/2007 | CCQ2533B | 8.3            | 6.0      | 6,90          |         |
| 31  | 2125330020 | Nguyễn Tuấn       | Khanh | 12/04/2007 | CCQ2533A | 8.3            | 5.0      | 6,30          |         |
| 32  | 2125330032 | Nguyễn            | Khánh | 21/12/2007 | CCQ2533A | 7.8            | 5.0      | 6,10          |         |
| 33  | 2125330013 | Trần Minh         | Khoa  | 21/08/2007 | CCQ2533A | 7.8            | 8.0      | 7,90          |         |
| 34  | 2124170192 | Lương Gia         | Kiệt  | 03/06/2006 | CCQ2417F | 7.0            | 7.0      | 7,00          |         |
| 35  | 2125330006 | Nguyễn Anh        | Kiệt  | 26/03/2007 | CCQ2533A | 7.8            | 5.0      | 6,10          |         |
| 36  | 2125330027 | Trần Vĩnh         | Kỳ    | 06/11/2007 | CCQ2533A | 7.8            | 9.0      | 8,50          |         |
| 37  | 2125330017 | Đặng Xuân         | Lộc   | 23/03/2007 | CCQ2533A | 7.8            | 7.0      | 7,30          |         |
| 38  | 2125230062 | Nguyễn Thái Tấn   | Lộc   | 24/10/2007 | CCQ2523A | 7.8            | 6.0      | 6,70          |         |
| 39  | 2125330036 | Nguyễn Hữu        | Luân  | 20/09/2007 | CCQ2533A | 6.8            | 6.0      | 6,30          |         |
| 40  | 2125330009 | Phạm Minh         | Luân  | 27/10/2007 | CCQ2533A | 7.8            | 8.0      | 7,90          |         |
| 41  | 2125330022 | Võ Minh           | Mạnh  | 21/11/2007 | CCQ2533A | 7.8            | 9.0      | 8,50          |         |
| 42  | 2125330056 | Đào Hải           | Nam   | 08/02/2004 | CCQ2533B | 7.3            | 6.0      | 6,50          |         |
| 43  | 2125330002 | Lâm Đại           | Nam   | 26/01/2006 | CCQ2533A | 7.3            | 5.0      | 5,90          |         |
| 44  | 2125330050 | Trần Hoài         | Nam   | 09/01/2007 | CCQ2533B | 0.0            | 0.0      | 0,00          | Nghĩ    |
| 45  | 2125330025 | Phan Tấn          | Nhật  | 02/05/2007 | CCQ2533A | 7.3            | 8.0      | 7,70          |         |

| STT | Mã SV      | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Tên lớp  | Điểm quá trình | Điểm thi | Điểm học phần | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|--------|------------|----------|----------------|----------|---------------|---------|
| 46  | 2125330071 | Bá Văn Hoàng      | Phát   | 25/01/2007 | CCQ2533B | 6.0            | 5.0      | 5,40          |         |
| 47  | 2125330015 | Huỳnh Nguyên      | Phát   | 17/07/2007 | CCQ2533A | 0.0            | 6.0      | 3,60          |         |
| 48  | 2125330048 | Nguyễn Hoàng      | Phát   | 22/11/2007 | CCQ2533B | 7.3            | 8.0      | 7,70          |         |
| 49  | 2125330065 | Đàm Hoàng         | Phi    | 13/02/2007 | CCQ2533B | 0.0            | 0.0      | 0,00          | Nghĩ    |
| 50  | 2125330039 | Hoàng Quốc        | Phong  | 19/12/2007 | CCQ2533B | 8.0            | 8.0      | 8,00          |         |
| 51  | 2125330030 | Nguyễn Quang Nhíp | Phong  | 29/07/2007 | CCQ2533A | 8.0            | 8.0      | 8,00          |         |
| 52  | 2125330012 | Nguyễn Đăng       | Phú    | 06/11/2007 | CCQ2533A | 8.0            | 6.0      | 6,80          |         |
| 53  | 2125330052 | Nguyễn Chí        | Quốc   | 24/04/2007 | CCQ2533B | 0.0            | 0.0      | 0,00          | Nghĩ    |
| 54  | 2125330069 | Nguyễn Thanh      | Quyền  | 12/05/2007 | CCQ2533B | 0.0            | 8.0      | 4,80          |         |
| 55  | 2125330064 | Trần Phúc         | Sang   | 19/10/2007 | CCQ2533B | 0.0            | 9.0      | 5,40          |         |
| 56  | 2125330021 | Dương Thế         | Sơn    | 10/04/2007 | CCQ2533A | 8.0            | 7.0      | 7,40          |         |
| 57  | 2125330040 | Trần Tiến         | Sỹ     | 25/10/2007 | CCQ2533B | 7.0            | 5.0      | 5,80          |         |
| 58  | 2125230055 | Hồ Thanh Tú       | Tài    | 21/11/2007 | CCQ2523A | 7.3            | 4.0      | 5,30          |         |
| 59  | 2125330029 | Mai Anh           | Tài    | 16/06/2007 | CCQ2533A | 0.0            | 0.0      | 0,00          | Nghĩ    |
| 60  | 2125330042 | Nguyễn Ngọc       | Thái   | 08/12/2007 | CCQ2533B | 0.0            | 7.0      | 4,20          |         |
| 61  | 2125330058 | Ong Thế           | Thiện  | 03/04/2006 | CCQ2533B | 6.8            | 5.0      | 5,70          |         |
| 62  | 2125330031 | Vũ Văn            | Thịnh  | 22/10/2007 | CCQ2533A | 8.8            | 6.0      | 7,10          |         |
| 63  | 2125330007 | Võ Minh           | Thoại  | 24/04/2007 | CCQ2533A | 8.8            | 5.0      | 6,50          |         |
| 64  | 2125330016 | Lưu Ngọc          | Toàn   | 23/06/2007 | CCQ2533A | 0.0            | 0.0      | 0,00          | Nghĩ    |
| 65  | 2125330044 | Tạ Duy            | Toàn   | 02/05/2007 | CCQ2533B | 8.8            | 2.0      | 4,70          |         |
| 66  | 2125330018 | Tăng Nhật         | Toàn   | 12/07/2006 | CCQ2533A | 0.0            | 0.0      | 0,00          | Nghĩ    |
| 67  | 2125330070 | Bạch Thiên        | Trường | 26/02/2007 | CCQ2533B | 8.8            | 10.0     | 9,50          |         |
| 68  | 2125150199 | Dương Hoàng       | Tuấn   | 15/08/2007 | CCQ2515E | 7.0            | 6.0      | 6,40          |         |
| 69  | 2125330061 | Nguyễn Anh        | Tuấn   | 20/04/2007 | CCQ2533B | 8.8            | 7.0      | 7,70          |         |
| 70  | 2125230060 | Nguyễn Thanh      | Tuấn   | 13/05/2007 | CCQ2523A | 0.0            | 0.0      | 0,00          | Nghĩ    |
| 71  | 2125330060 | Vũ Văn            | Việt   | 16/11/2007 | CCQ2533B | 8.8            | 5.0      | 6,50          |         |
| 72  | 2125230056 | Lương Thế         | Vũ     | 21/05/2007 | CCQ2523A | 8.0            | 6.0      | 6,80          |         |

| STT | Mã SV      | Họ và tên    |    | Ngày sinh  | Tên lớp  | Điểm quá trình | Điểm thi | Điểm học phần | Ghi chú |
|-----|------------|--------------|----|------------|----------|----------------|----------|---------------|---------|
| 73  | 2125330004 | Nguyễn Quang | Vũ | 20/09/2007 | CCQ2533A | 8.8            | 9.0      | 8,90          |         |
| 74  | 2125330046 | Võ Chí       | Vỹ | 02/07/2007 | CCQ2533B | 0.0            | 0.0      | 0,00          | Nghĩ    |

*TPHCM , ngày 21 tháng 01 năm 2026*

**Giảng viên**



***Nguyễn Thanh Bình***